

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,330 – 1,343 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,334.41 điểm, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm. Một số mã cổ phiếu ngành Ngân hàng và Vin vẫn là trụ đỡ cho thị trường trước áp lực bán rông mạnh của khối ngoại trên cả 03 sàn trong phiên giao dịch hôm nay. Áp lực chốt lời ngắn hạn xuất hiện khi chỉ số đi vào vùng quá mua. Diễn biến giằng co trong vùng 1,330 – 1,335 đang khá cân bằng và có thể kéo dài trong những phiên tiếp theo để tạo nền giá mới tại đây. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn cần giao dịch cẩn trọng trước áp lực bán có thể xảy ra sau nhiều tuần thị trường tăng điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+1.87** điểm, đóng cửa tại **1334.41** điểm. HNX-Index **+1.29** điểm, đóng cửa tại **241.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.84)**, **VHM (+1.52)**, **VIC (+0.77)**, **LPB (+0.49)**, **VND (+0.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.86)**, **GVR (-0.58)**, **FPT (-0.57)**, **HPG (-0.54)**, **MBB (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,511** tỷ đồng, tăng **2.94%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,900 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.16 điểm. Thị trường có **189** mã tăng, 78 mã tham chiếu, **272** mã giảm.
- Giá trị bán rông của khối ngoại: **-836.00** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-297.87 tỷ)**, **GMD (-119.53 tỷ)**, **VCB (-86.27 tỷ)**, **PNJ (-69.88 tỷ)**, **KDH (-63.98 tỷ)**. Khối ngoại bán rông trên sàn HNX với giá trị **-48.19** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.37%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHM (+3.19%)**
 - VCB (+3.01%)**
 - DGC (+0.82%)** [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.31%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VND (+5.23%)**
 - VGC (+3.98%)**
 - SHS (+2.74%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.37%	-0.31%	0.14%	-0.08%
1 tuần	1.56%	1.70%	2.28%	2.09%
1 tháng	3.81%	6.64%	5.63%	4.62%
3 tháng	1.28%	5.31%	5.29%	4.26%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,334.41	241.87	99.32
% 1D	0.14%	0.54%	-0.08%
GTGD (tỷ VND)	19,511	1,244	758
%1D	2.94%	12.21%	3.56%
GDNN (tỷ VND)	-836.00	-48.19	-40.51

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	151.32	FPT	-297.87
EIB	112.24	GMD	-119.53
VIC	98.89	VCB	-86.27
VND	79.61	PNJ	-69.88
DGC	31.61	KDH	-63.98

Thị trường thế giới

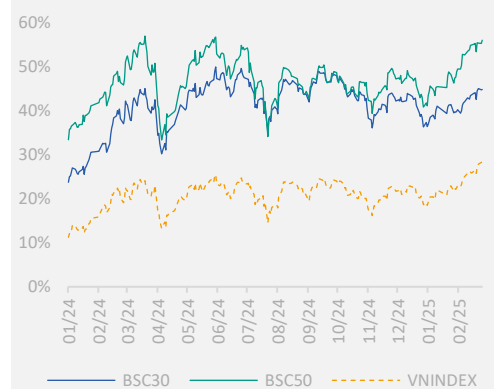
		%D	%W
SPX	5,572	-0.76%	-3.57%
FTSE100	8,534	0.45%	-2.53%
Eurostoxx	5,365	1.00%	-2.24%
Shanghai	3,372	-0.23%	0.90%
Nikkei	36,783	0.03%	-1.59%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.83	-0.12%
Giá vàng	2,922	-0.06%
Tỷ giá		
USD/VND	25,640	-0.04%
EUR/VND	28,509	-0.09%
JPY/VND	176	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.05%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

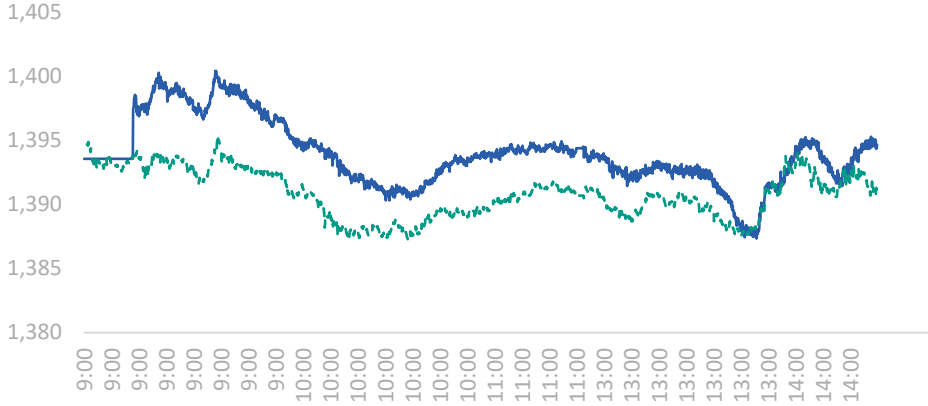
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1381.00	-0.33%	26	-61%	9/18/2025	190
VN30F2504	1388.50	-0.11%	983	-17%	4/17/2025	36
VN30F2503	1388.50	-0.25%	173,729	-8%	3/20/2025	8
VN30F2506	1383.00	-0.21%	90	18%	6/19/2025	99

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -1.18 điểm, đóng cửa tại 1392.39 điểm. Biên độ dao động 13.10 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, TCB, MBB, ACB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán khiến VN30 đóng cửa dưới tham chiếu trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2410	3/28/2025	16	482,100	-87.33%	4.80	230	53.3%	8.43	5.95	46.95	46.95
CVHM2504	6/30/2025	110	47,500	-80.51%	4.45	2,350	44.2%	21.28	9.15	46.95	46.95
CVHM2407	4/28/2025	47	484,300	-85.39%	4.90	490	40.0%	10.52	6.86	46.95	46.95
CVHM2411	6/30/2025	110	205,000	-81.67%	5.06	710	34.0%	8.39	8.61	46.95	46.95
CVRE2410	6/30/2025	110	614,200	-84.32%	2.19	170	30.8%	4.04	2.87	18.30	18.30
CTCB2405	3/28/2025	16	9,400	-83.71%	2.69	370	27.6%	5.03	4.54	27.85	27.85
CVHM2406	7/28/2025	138	238,000	-80.83%	5.00	1,000	20.5%	10.51	9.00	46.95	46.95
CVHM2501	5/26/2025	75	241,000	-76.46%	4.20	1,370	19.1%	8.56	11.05	46.95	46.95
CVHM2409	8/14/2025	155	15,500	-70.29%	4.20	1,950	18.2%	8.57	13.95	46.95	46.95
CMWG2506	6/30/2025	110	366,200	-86.22%	6.69	650	16.1%	18.70	8.64	62.70	62.70
CVHM2408	11/4/2025	237	445,000	-66.60%	3.80	2,970	14.2%	10.82	15.68	46.95	46.95
CVRE2405	4/28/2025	47	413,500	-85.14%	1.90	410	13.9%	8.21	2.72	18.30	18.30
CVIC2404	4/28/2025	47	109,600	-78.00%	4.30	1,570	13.8%	10.96	10.58	48.10	48.10
CVHM2502	10/27/2025	229	61,400	-72.74%	4.50	1,660	13.7%	8.52	12.80	46.95	46.95
CVIC2406	3/28/2025	16	261,300	-85.57%	4.69	450	12.5%	8.68	6.94	48.10	48.10
CVIC2407	6/30/2025	110	109,100	-80.25%	4.90	920	12.2%	8.65	9.50	48.10	48.10
CMSN2504	6/30/2025	110	893,700	-86.07%	7.77	450	9.8%	15.26	9.57	68.70	68.70
CTCB2506	10/23/2025	225	100	-68.33%	2.50	1,580	8.2%	6.36	8.82	27.85	27.85
CVIC2501	5/26/2025	75	214,900	-72.25%	4.00	1,870	8.1%	8.83	13.35	48.10	48.10
CVIC2405	7/28/2025	138	99,500	-73.68%	4.30	2,090	7.7%	10.97	12.66	48.10	48.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 12/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2410 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 53.33%. CTCB2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.30%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CMBB2505, CTCB2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CMWG2506, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	35.30	1.88%	1.77
VHM	46.95	3.19%	1.45
VCB	66.70	3.09%	1.19
VIC	48.10	1.69%	0.88
SSB	19.85	0.25%	0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	135.90	-1.16%	-1.40
HPG	27.80	-1.24%	-1.14
TCB	27.85	-0.54%	-0.65
MBB	24.60	-0.81%	-0.63
ACB	26.30	-0.57%	-0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	66.70	3.09%	2.84	5.59
VHM	46.95	3.19%	1.52	4.11
VIC	48.10	1.69%	0.77	3.82
LPB	35.30	1.88%	0.49	2.99
VND	15.10	5.23%	0.30	1.52

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	40.90	-1.21%	-0.86	7.02
GVR	32.80	-1.80%	-0.58	4.00
FPT	135.90	-1.16%	-0.57	1.47
HPG	27.80	-1.24%	-0.54	6.40
MBB	24.60	-0.81%	-0.30	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	54.70	9.84%	1.01	0.30
SHS	15.00	2.74%	0.21	0.81
SCG	67.00	2.45%	0.09	0.09
IPA	14.30	3.62%	0.07	0.21
PVS	33.80	0.60%	0.06	0.48

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	199.00	-4.88%	-1.22	0.20
IDC	56.00	-1.06%	-0.12	0.33
NTP	68.90	-1.57%	-0.10	0.14
NVB	11.50	-0.86%	-0.07	1.17
MBS	30.90	-0.64%	-0.07	0.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAF	19.15	6.98%	0.01	0.01
GEG	13.80	6.98%	0.09	4.77
CDC	22.45	5.90%	0.01	0.18
SCR	6.70	5.51%	0.04	13.26
VND	15.10	5.23%	0.30	63.06

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

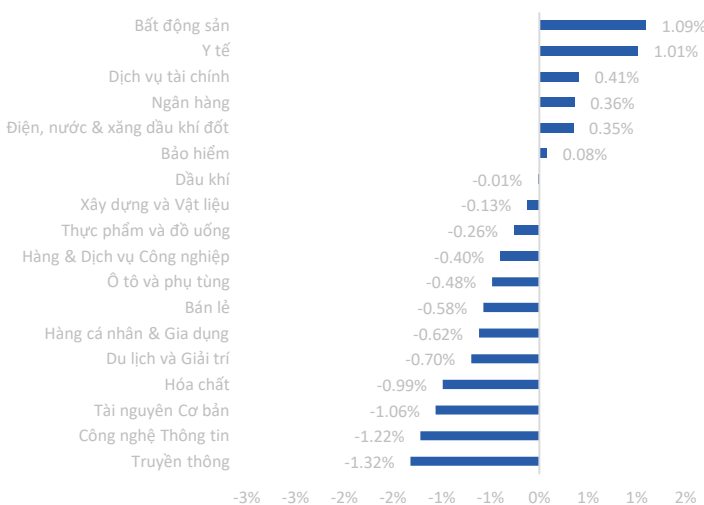
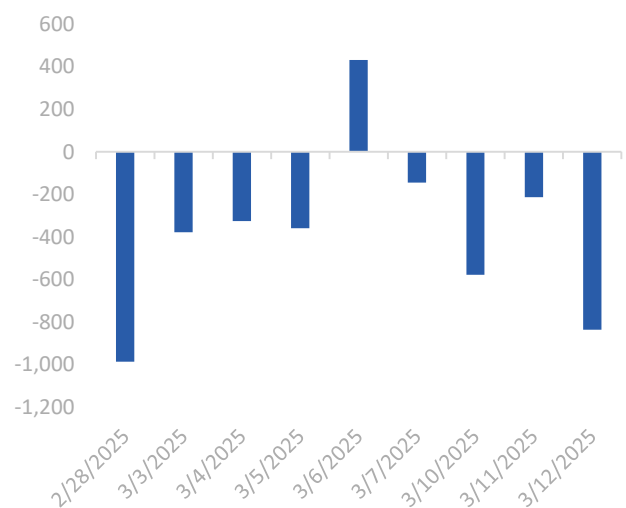
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	38.25	-6.71%	-0.06	0.00
SSC	33.90	-6.35%	-0.01	0.00
TDW	59.40	-6.16%	-0.01	0.00
ELC	25.50	-5.03%	-0.03	3.07
SRF	9.50	-4.04%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	54.70	9.84%	5.60	0.00
GDW	37.30	9.71%	0.12	0.01
NSH	5.70	9.62%	0.04	0.45
VBC	22.80	9.62%	0.06	0.01
NHC	24.00	9.59%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC1	8.60	-9.47%	-0.03	0.01
DAE	14.00	-8.50%	-0.01	0.00
PSD	13.70	-7.43%	-0.18	1.27
TMX	9.10	-6.19%	-0.01	0.04
CMC	6.30	-5.97%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
IDC	BĐS KCN	56.0	-1.1%	1.1	18,480	76.2	6,050	9.3		21.6%	
VHM	BĐS	47.0	3.2%	1.1	192,843	730.0	7,286	6.4		12.3%	
KDH	BĐS	32.4	-1.4%	1.2	32,761	173.3	862	37.6		36.4%	
NLG	BĐS	33.1	-1.2%	1.5	12,746	105.9	1,331	24.9		40.0%	
PNJ	Bán lẻ	91.0	-2.6%	0.7	30,749	126.6	6,305	14.4	111,500	49.0%	Link
GMD	Logistics	60.1	-1.8%	0.8	25,254	172.1	4,631	13.0		43.5%	
SSI	Chứng khoán	26.7	0.0%	1.1	52,382	859.1	1,536	17.4		38.6%	
CTG	Ngân hàng	42.7	0.1%	1.1	229,030	405.3	4,720	9.0		26.8%	
STB	Ngân hàng	39.8	-0.4%	1.0	74,937	493.0	5,351	7.4		22.0%	
MBB	Ngân hàng	24.6	-0.8%	1.1	150,116	833.3	3,729	6.6	26,300	23.2%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	-0.6%	0.8	117,473	234.0	3,759	7.0		30.0%	
VPB	Ngân hàng	19.6	-0.5%	1.1	155,505	542.9	1,989	9.9	25,500	24.9%	Link
BID	Ngân hàng	40.9	-1.2%	0.8	287,174	162.7	3,573	11.5	47,000	16.7%	Link
VCB	Ngân hàng	66.7	3.0%	0.7	557,325	513.1	4,049	16.5		22.7%	
TCB	Ngân hàng	27.9	-0.5%	1.2	196,756	410.3	3,054	9.1	31,400	22.5%	Link
VHC	Thủy sản	67.7	-1.6%	1.1	15,195	93.8	5,496	12.3	70,000	26.4%	Link
MWG	Bán lẻ	62.7	-0.5%	1.5	91,635	640.1	2,544	24.6		45.9%	
DGW	Bán lẻ	41.2	-0.8%	1.6	9,019	46.3	2,042	20.2	41,800	19.0%	Link
GAS	Dầu khí	67.9	0.7%	0.5	159,067	51.7	4,439	15.3	83,100	1.7%	Link
FPT	Công nghệ	135.9	-1.2%	1.0	199,918	870.1	5,365	25.3	163,000	44.3%	Link
DCM	Phân bón	34.8	-0.1%	1.3	18,397	48.9	2,682	13.0	41,100	5.4%	Link
DGC	Hóa chất	110.0	0.8%	1.3	41,776	139.8	7,864	14.0	111,400	16.6%	Link
POW	Tiện ích	12.1	0.4%	1.1	28,337	56.2	535	22.6		3.6%	
PVS	Dầu khí	33.8	0.6%	1.1	16,155	105.4	2,473	13.7	40,300	18.5%	Link
PVD	Dầu khí	23.7	0.2%	1.2	13,174	101.5	1,252	18.9	29,900	9.3%	Link
HPG	VLXD	27.8	-1.2%	1.3	177,816	582.1	1,879	14.8	37,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	18.9	-0.8%	1.8	11,737	118.1	935	20.2	22,700	9.0%	Link
VNM	Bán lẻ	62.2	-0.3%	0.7	129,995	172.0	4,494	13.8		50.4%	
MSN	Bán lẻ	68.7	-0.3%	1.3	98,815	451.8	1,345	51.1		25.3%	
CTR	Công nghệ	117.1	-1.4%	1.0	13,395	81.6	4,709	24.9		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tài báo cáo
DIG	BĐS	20.2	-0.98%	1.8	12,289	155.5	1,246	16.2	3.98%	1.36%	
CEO	BĐS	14.9	-0.67%	2.2	8,052	113.4	278	53.7	4.28%	3.16%	
PDR	BĐS	20.5	-0.49%	2.0	17,899	236.0	1,008	20.3	7.55%	5.00%	Link
DXG	BĐS	16.6	-0.90%	1.8	14,413	208.6	260	63.8	20.20%	2.54%	Link
HDG	Tiện ích	28.0	1.64%	1.2	9,400	89.7	2,890	9.7	19.66%	9.41%	
SZC	BĐS KCN	46.0	0.55%	1.3	8,270	88.5	1,268	36.3	2.16%	12.48%	Link
SIP	BĐS KCN	91.5	-0.54%	0.0	19,264	55.9	3,766	24.3	5.04%	29.47%	
KBC	BĐS KCN	30.3	0.00%	1.4	23,258	87.6	5,211	5.8	19.52%	2.32%	
GVR	BĐS KCN	32.8	-1.80%	1.6	131,200	72.8	859	38.2	0.54%	8.18%	
PHR	BĐS KCN	64.2	-0.93%	1.1	8,699	54.4	1,810	35.5	18.12%	12.69%	
VTP	Logistics	150.7	-0.79%	0.0	18,353	40.5	3,038	49.6	6.63%	24.12%	
HAH	Logistics	50.8	0.00%	1.1	6,164	115.5	2,390	21.3	11.10%	21.91%	Link
VSC	Logistics	18.4	1.10%	1.3	5,511	32.7	855	21.5	2.75%	9.08%	
TNG	Dệt may	22.9	1.33%	1.1	2,808	24.6	2,529	9.1	16.10%	17.47%	
PLC	Dầu khí	26.4	-0.38%	1.3	2,133	9.4	1,386	19.1	0.43%	3.37%	Link
CSV	Hóa chất	42.1	-1.86%	1.6	4,652	85.1	1,891	22.3	1.87%	16.55%	
PTB	VLXD	57.9	-1.03%	0.6	3,876	21.5	5,521	10.5	22.96%	13.18%	Link
DRC	Cao su	27.2	-0.37%	0.9	3,225	10.8	1,919	14.2	8.53%	12.30%	Link
SHS	Chứng khoán	15.0	2.74%	1.9	12,197	341.7	1,019	14.7	7.11%	9.46%	
VND	Chứng khoán	15.1	5.23%	1.5	22,987	934.8	1,327	11.4	10.67%	9.49%	
VCI	Chứng khoán	39.3	-0.51%	1.4	28,185	379.6	1,582	24.8	27.34%	8.97%	
BSI	Chứng khoán	56.5	-1.22%	1.5	12,603	51.2	1,973	28.6	41.07%	8.48%	
HCM	Chứng khoán	32.2	-0.77%	1.3	23,147	238.0	1,611	20.0	43.21%	11.09%	
TPB	Ngân hàng	16.2	-0.62%	1.0	42,668	143.4	2,271	7.1	28.15%	17.27%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-0.85%	1.2	30,290	213.7	2,092	5.6	27.51%	16.21%	Link
HDB	Ngân hàng	23.7	-0.63%	1.0	82,658	225.8	3,628	6.5	17.25%	25.79%	
VIB	Ngân hàng	20.5	-1.44%	1.0	61,072	266.4	3,235	6.3	4.97%	18.06%	
EIB	Ngân hàng	21.0	-1.64%	0.8	39,024	649.8	2,225	9.4	3.51%	13.99%	Link
ANV	Thủy sản	17.3	-1.15%	1.5	4,593	21.1	1,082	16.0	0.74%	1.71%	
VRE	BĐS	18.3	0.55%	1.3	41,583	243.6	1,945	9.4	17.59%	10.27%	
DPM	Phân bón	36.5	-0.68%	1.3	14,284	96.2	1,385	26.4	9.35%	5.30%	Link
FRT	Bán lẻ	177.1	-0.95%	0.5	24,129	50.7	5,285	33.5	33.45%	18.09%	
QTP	Tiện ích	14.0	0.39%	0.8	6,279	7.1	1,110	12.6	0.84%	12.52%	
REE	Tiện ích	73.8	-1.07%	1.0	34,761	41.2	5,115	14.4	49.00%	11.01%	
DHC	Hóa chất	33.5	-0.45%	0.9	2,692	11.0	3,727	9.0	38.78%	12.58%	Link
VGC	BĐS KCN	52.2	3.98%	1.4	23,404	120.9	1,981	26.4	5.71%	13.67%	
PLX	Dầu khí	42.9	-0.92%	0.9	54,508	50.6	1,826	23.5	17.45%	11.12%	Link
BSR	Dầu khí	19.6	0.77%	0.0	60,770	59.8	91	215.6	0.37%	1.11%	
HUT	Xây dựng	16.5	0.00%	1.6	14,726	15.6	728	22.7	1.25%	1.59%	
NKG	VLXD	16.1	-0.31%	1.8	7,184	196.3	751	21.4	8.13%	8.02%	Link
GEX	Tiện ích	23.0	0.88%	2.0	19,767	167.0	1,788	12.9	7.81%	12.38%	Link
DBC	Bán lẻ	30.2	-2.11%	1.4	10,090	286.1	2,181	13.8	9.16%	13.46%	Link
IJC	BĐS	16.0	1.59%	1.4	6,025	137.3	1,353	11.8	4.91%	7.91%	
PVT	Logistics	25.9	-0.77%	0.9	9,221	44.4	2,135	12.1	12.04%	15.05%	
BMP	VLXD	122.6	-1.37%	0.9	10,036	15.3	12,582	9.7	82.52%	36.75%	
PC1	Tiện ích	23.7	-1.25%	1.3	8,476	50.9	1,468	16.1	15.78%	8.61%	
C4G	Xây dựng	8.7	-0.91%	1.5	3,116	3.7	700	12.5	0.03%	4.68%	Link
LCG	Xây dựng	10.8	-1.82%	1.5	2,085	37.0	678	15.9	2.51%	5.22%	
HHV	Xây dựng	13.0	-1.52%	1.5	5,598	97.4	935	13.9	7.29%	4.78%	Link
CTD	Xây dựng	89.0	-2.73%	1.2	8,894	302.9	4,303	20.7	48.97%	4.36%	Link
QNS	Bán lẻ	49.9	-0.37%	0.7	18,352	16.7	3,648	13.7	12.61%	25.58%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>